

**QUYẾT ĐỊNH**

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong  
lĩnh vực Nuôi con nuôi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;*

*Căn cứ Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 361/QĐ-BTP ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực nuôi con nuôi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 27/TTr-STP ngày 27 tháng 01 năm 2026.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục gồm 08 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Nuôi con nuôi theo Quyết định số 361/QĐ-BTP ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

**Điều 2.** Quyết định này sửa đổi, bổ sung Quyết định số 34/QĐ-UBND ngày 06 tháng 01 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Nuôi con nuôi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tư pháp.

**Điều 3.** Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thiết lập cấu hình cung cấp dịch vụ công trực tuyến đối với thủ tục hành chính được công bố tại Điều 1 Quyết định này theo quy định.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký ban hành.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Bưu điện tỉnh;
- VNPT tỉnh;
- Lưu: VT, NC, PVHCC<sup>KSTT</sup>



**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lâm Hải Giang**

**DANH MỤC 08 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TƯ PHÁP**

(Kèm theo Quyết định số:           /QĐ-UBND ngày       /       / 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

**I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (04 TTHC)**

| STT                                                                                                              | Tên TTHC                                                                                                      | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC                                                                                                                  | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến | Nội dung sửa đổi, bổ sung                                                          | Phí, lệ phí (nếu có)                                                                                                                                                                                                              | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                               | TTHC liên thông                                   | TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|----------------------------------------------|
|                                                                                                                  | Mã số TTHC                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                    |                                   |                       |                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                              |                                                   |                                              |
| Thủ tục hành chính được công bố theo Quyết định số 361/QĐ-BTP ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp |                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                    |                                   |                       |                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                              |                                                   |                                              |
| 1                                                                                                                | Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trẻ em sống ở cơ sở nuôi dưỡng<br><br>1.003976.H21 | - Thời gian cơ quan chủ quản có ý kiến đề cơ sở nuôi dưỡng gửi Sở Tư pháp để thông báo tìm người nhận con nuôi: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.<br>- Thời gian Sở Tư pháp kiểm tra hồ sơ, tiến hành lấy ý kiến những người liên quan: 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.<br>Trường hợp cha, mẹ đẻ hoặc người giám hộ của trẻ em cư trú ở địa phương khác, thời gian | - Trực tiếp hoặc qua bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường.<br>- Trực tuyến: qua Cổng Dịch vụ công | Có                                | Một phần              | - Trình tự thực hiện; - Cơ quan phối hợp; - Thời gian thực hiện; - Căn cứ pháp lý. | - Hình thức nộp lệ phí: chuyển khoản hoặc nộp trực tiếp tại Kho bạc nhà nước Ba Đình. Trường hợp người nước ngoài thường trú ở nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài nộp hồ sơ nhận trẻ em con nuôi thông qua Văn phòng | - Luật Nuôi con nuôi; - Nghị định số 19/2011/ NĐ-CP ngày 21/03/2011 của Chính phủ; - Nghị định số 18/2026/ NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ; - Nghị định số 06/2025/ NĐ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ; | Cục Hành chính tư pháp; UBND cấp tỉnh; Sở Tư pháp | x                                            |

| STT | Tên TTHC   | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC                                                                              | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến | Nội dung sửa đổi, bổ sung | Phí, lệ phí (nếu có)                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | TTHC liên thông | TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính |
|-----|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|---------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|----------------------------------------------|
|     | Mã số TTHC |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                |                                   |                       |                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                 |                                              |
|     |            | <p>Sở Tư pháp nơi cha, mẹ đẻ hoặc người giám hộ của trẻ em cư trú lấy ý kiến về việc cho trẻ làm con nuôi ở nước ngoài: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp nơi giải quyết việc nuôi con nuôi.</p> <p>- Thời gian những người liên quan thay đổi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi: 22 ngày làm việc, kể từ ngày được lấy ý kiến.</p> <p>- Thời gian cơ quan Công an cấp tỉnh xác minh nguồn gốc trẻ em đối với trẻ em bị bỏ rơi: 30 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp.</p> | <p>quốc gia tại địa chỉ: <a href="http://dichvucong.gov.vn">http://dichvucong.gov.vn</a> hoặc ứng dụng định danh quốc gia.</p> |                                   |                       |                           | <p>con nuôi nước ngoài thì nộp lệ phí, chi phí thông qua Văn phòng con nuôi nước ngoài.</p> <p>- Mức thu lệ phí và chi phí: +) Lệ phí : 9.000.000 (chín triệu) đồng/trường hợp Trường hợp nhận hai trẻ em trở lên là anh chị em ruột làm con nuôi thì từ trẻ em thứ hai trở đi được giảm 50% mức lệ phí đăng ký</p> | <p>- Nghị định số 120/2025/ NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 24/2019/ NĐ-CP ngày 05/3/2019 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 114/2016/ NĐ-CP ngày 08/7/2016 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 08/2025/ TT-BTP ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 10/2025/ TT-BTP ngày 20/6/2025 của</p> |                 |                                              |

| STT | Tên TTHC   | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến | Nội dung sửa đổi, bổ sung | Phí, lệ phí (nếu có)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | TTHC liên thông | TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính |
|-----|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|---------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|----------------------------------------------|
|     | Mã số TTHC |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                   |                                   |                       |                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                 |                                              |
|     |            | <p>Trường hợp Công an cấp tỉnh đã xác minh được thông tin về cha mẹ đẻ của trẻ em bị bỏ rơi nhưng không liên hệ được, thời gian Sở Tư pháp và UBND cấp xã nơi có thông tin cư trú của cha mẹ đẻ trẻ em thực hiện niêm yết thông báo về việc cho trẻ em bị bỏ rơi làm con nuôi tại trụ sở cơ quan: 60 ngày, kể từ ngày nhận được kết quả xác minh (đối với Sở Tư pháp) và 60 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp (đối với UBND cấp xã nơi có thông tin cư trú của cha mẹ đẻ trẻ em).</p> <p>- Thời gian Cục Hành chính tư pháp kiểm tra,</p> |                                                   |                                   |                       |                           | <p>nuôi con nuôi nước ngoài.<br/>           +) Chi phí: 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng/trường hợp<br/>           Trường hợp nhận trẻ em bị khuyết tật, mắc bệnh hiểm nghèo thì được miễn chi phí.<br/>           - Thời điểm nộp lệ phí và chi phí:<br/>           +) Đối với lệ phí: Người nước ngoài thường trú ở nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài và</p> | <p>Bộ trưởng Bộ Tư pháp;<br/>           - Thông tư số 10/2020/ TT-BTP ngày 28/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;<br/>           - Thông tư liên tịch số 146/2012/ TTLT-BTC-BTP ngày 07/9/2012 giữa Bộ Tài Chính và Bộ Tư pháp;<br/>           - Thông tư số 21/2011/ TT-BTP ngày 21/11/2011 của Bộ Tư pháp;<br/>           - Thông tư số 267/2016/ TT-</p> |                 |                                              |

| STT | Tên TTHC   | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến | Nội dung sửa đổi, bổ sung | Phí, lệ phí (nếu có)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                      | TTHC liên thông | TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính |
|-----|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|---------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|----------------------------------------------|
|     | Mã số TTHC |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                   |                                   |                       |                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                     |                 |                                              |
|     |            | <p>thẩm định hồ sơ của người nước ngoài nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi: 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, hồ sơ đã được nộp lệ phí.</p> <p>- Thời gian Sở Tư pháp giới thiệu trẻ em làm con nuôi: 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của người nhận con nuôi.</p> <p>- Thời gian UBND cấp tỉnh có ý kiến đối với việc giới thiệu trẻ em làm con nuôi (đối với trẻ em thuộc diện thông qua thủ tục giới thiệu): 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình.</p> <p>- Thời gian Sở Tư pháp thực hiện giới thiệu trẻ em làm con nuôi lại</p> |                                                   |                                   |                       |                           | <p>người nước ngoài đang làm việc, học tập tại Việt Nam trong thời gian ít nhất là 01 năm nộp sau khi Cục Hành chính tư pháp tiếp nhận và cấp mã số hồ sơ của người nhận con nuôi.</p> <p>+) Đối với chi phí: Người nước ngoài thường trú ở nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người nước ngoài đang làm việc, học tập tại Việt Nam trong</p> | <p>BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</p> <p>- Thông tư số 11/2021/ TT-BTP ngày 28/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 07/2023/ TT-BTP ngày 29/9/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.</p> |                 |                                              |

| STT | Tên TTHC   | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến | Nội dung sửa đổi, bổ sung | Phí, lệ phí (nếu có)                                                                              | Căn cứ pháp lý | TTHC liên thông | TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính |
|-----|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|---------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-----------------|----------------------------------------------|
|     | Mã số TTHC |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                   |                                   |                       |                           |                                                                                                   |                |                 |                                              |
|     |            | <p>trong trường hợp UBND cấp tỉnh không đồng ý với việc giới thiệu trước (đối với trẻ em thuộc diện thông qua thủ tục giới thiệu): 90 ngày, kể từ ngày UBND cấp tỉnh có văn bản không đồng ý.</p> <p>- Thời gian Sở Tư pháp chuyển cho Cục Hành chính tư pháp 01 bộ hồ sơ của trẻ em kèm theo văn bản đồng ý của UBND cấp tỉnh (đối với trẻ em thuộc diện thông qua thủ tục giới thiệu): 05 ngày làm việc, kể từ ngày UBND cấp tỉnh đồng ý.</p> <p>- Thời gian Cục Hành chính tư pháp kiểm tra kết quả giải quyết việc nuôi con nuôi: 30 ngày, kể từ ngày nhận được</p> |                                                   |                                   |                       |                           | thời gian ít nhất là 01 năm nộp sau khi người nhận con nuôi đồng ý với kết quả giới thiệu trẻ em. |                |                 |                                              |

| STT | Tên TTHC   | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến | Nội dung sửa đổi, bổ sung | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | TTHC liên thông | TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính |
|-----|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|---------------------------|----------------------|----------------|-----------------|----------------------------------------------|
|     | Mã số TTHC |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                   |                                   |                       |                           |                      |                |                 |                                              |
|     |            | <p>báo cáo kết quả giải quyết việc nuôi con nuôi của Sở Tư pháp.</p> <p>- Thời gian Cục Hành chính tư pháp thông báo cho Sở Tư pháp: 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan có thẩm quyền của nước nơi người nhận con nuôi thường trú thông báo về sự đồng ý của người nhận con nuôi đối với trẻ em được giải quyết cho làm con nuôi, xác nhận trẻ em được nhập cảnh và thường trú tại nước mà trẻ em được nhận làm con nuôi.</p> <p>- Thời gian UBND cấp tỉnh ra quyết định cho trẻ em làm con nuôi người nước ngoài: 15 ngày, kể từ ngày nhận</p> |                                                   |                                   |                       |                           |                      |                |                 |                                              |

| STT | Tên TTHC                                                                                                                                            | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC                                                       | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến | Nội dung sửa đổi, bổ sung                                              | Phí, lệ phí (nếu có)                                                                                                                            | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                    | TTHC liên thông                                   | TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|----------------------------------------------|
|     | Mã số TTHC                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                         |                                   |                       |                                                                        |                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                   |                                                   |                                              |
|     |                                                                                                                                                     | được hồ sơ do Sở Tư pháp trình.<br>- Thời gian người nhận con nuôi có mặt ở Việt Nam để trực tiếp nhận con nuôi: 60 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của Sở Tư pháp hoặc không quá 90 ngày, trong trường hợp có lý do chính đáng không thể có mặt tại lễ giao nhận con nuôi đúng thời hạn 60 ngày. |                                                                                                         |                                   |                       |                                                                        |                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                   |                                                   |                                              |
| 2   | Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trường hợp cha dượng, mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng; cô, cậu, dì, chú, bác ruột | - Thời gian Cục Hành chính tư pháp kiểm tra, thẩm định hồ sơ của người nhận con nuôi và chuyển hồ sơ cho Sở Tư pháp: 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.<br>- Thời gian Sở Tư pháp kiểm tra hồ sơ, tiến hành lấy ý kiến những                                                                    | - Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến: Cục Hành chính tư pháp.<br>- Trực tuyến: tại Công Dịch vụ công | Có                                | Một phần              | - Trình tự thực hiện;<br>- Cơ quan phối hợp;<br>- Thời gian thực hiện; | - Hình thức nộp lệ phí: chuyển khoản hoặc nộp trực tiếp tại Kho bạc nhà nước Ba Đình.<br>- Mức thu lệ phí: 4.500.000 (bốn triệu năm trăm nghìn) | - Luật Nuôi con nuôi 2010;<br>- Nghị định số 19/2011/ NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ;<br>- <i>Nghị định số 18/2026/ NĐ-CP ngày 14/01/2026</i> | Cục Hành chính tư pháp; UBND cấp tỉnh; Sở Tư pháp | -                                            |

| STT | Tên TTHC                                      | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC                                     | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến | Nội dung sửa đổi, bổ sung                                                           | Phí, lệ phí (nếu có)                                                                                                                                                                                                   | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | TTHC liên thông | TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính |
|-----|-----------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|----------------------------------------------|
|     | Mã số TTHC                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                                                       |                                   |                       |                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                 |                                              |
|     | nhận cháu làm con nuôi<br><b>1.004878.H21</b> | <p>người liên quan, xác nhận người được nhận làm con nuôi đủ điều kiện làm con nuôi nước ngoài: 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p> <p>- Thời gian những người liên quan thay đổi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài: 22 ngày làm việc, kể từ ngày được lấy ý kiến.</p> <p>- Thời gian Cục Hành chính tư pháp kiểm tra kết quả giải quyết việc nuôi con nuôi nước ngoài và thông báo cho người nhận con nuôi, Cơ quan Trung ương về nuôi con nuôi của nước nơi người nhận con nuôi thường trú: 30 ngày, kể từ ngày nhận</p> | quốc gia tại địa chỉ: <a href="http://dichvucong.gov.vn">http://dichvucong.gov.vn</a> |                                   |                       | <p>- Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC</p> <p>- Căn cứ pháp lý.</p> | <p>đồng/ trường hợp nhận 01 trẻ em làm con nuôi.</p> <p>- Mức thu chi phí: Không quy định.</p> <p>- Thời điểm nộp lệ phí: Nộp sau khi Cục Hành chính tư pháp tiếp nhận và cấp mã số hồ sơ của người nhận con nuôi.</p> | <p><i>của Chính phủ;</i></p> <p>- Nghị định số 06/2025/ NĐ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 24/2019/ NĐ-CP ngày 05/3/2019 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 10/2020/ TT-BTP ngày 28/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Nghị định số 114/2016/ NĐ-CP ngày 08/7/2016 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 104/2022/ NĐ-</p> |                 |                                              |

| STT | Tên TTHC   | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến | Nội dung sửa đổi, bổ sung | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | TTHC liên thông | TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính |
|-----|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|---------------------------|----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|----------------------------------------------|
|     | Mã số TTHC |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                   |                                   |                       |                           |                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                 |                                              |
|     |            | <p>được các giấy tờ Sở Tư pháp gửi.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian Cục Hành chính tư pháp thông báo cho Sở Tư pháp về kết quả giải quyết việc nuôi con nuôi nước ngoài: 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản của Trung ương về nuôi con nuôi của nước nơi người nhận con nuôi thường trú, người nhận con nuôi.</li> <li>- Thời gian UBND cấp tỉnh ra Quyết định nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài: 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình.</li> <li>- Thời gian người nhận con nuôi có mặt ở Việt Nam để trực tiếp nhận con nuôi: 60 ngày, kể từ ngày nhận được</li> </ul> |                                                   |                                   |                       |                           |                      | <p>CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 120/2025/ NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ;</li> <li>- Thông tư số 08/2025/ TT-BTP ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 10/2025/ TT-BTP ngày 20/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</li> <li>- Thông tư số 267/2016/ TT-BTC ngày 14/11/2016</li> </ul> |                 |                                              |

| STT | Tên TTHC                                                                                                            | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC                                                                                                                  | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến | Nội dung sửa đổi, bổ sung                                                                   | Phí, lệ phí (nếu có)                                                                                       | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                          | TTHC liên thông           | TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|----------------------------------------------|
|     | Mã số TTHC                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                    |                                   |                       |                                                                                             |                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                         |                           |                                              |
|     |                                                                                                                     | thông báo của Sở Tư pháp hoặc không quá 90 ngày, trong trường hợp có lý do chính đáng không thể có mặt tại lễ giao nhận con nuôi đúng thời hạn 60 ngày.                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                    |                                   |                       |                                                                                             |                                                                                                            | của Bộ trưởng Bộ Tài chính;<br>- Thông tư số 07/2023/ TT-BTP ngày 29/9/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.                                                                                                   |                           |                                              |
| 3   | Giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi<br><br><b>1.003160.H21</b> | - Sở Tư pháp kiểm tra hồ sơ và lấy ý kiến: 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;<br>- Thời gian những người liên quan thay đổi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi nước ngoài: 10 ngày làm việc, kể từ ngày được lấy ý kiến.<br>- UBND cấp tỉnh ra Quyết định: 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình. | - Trực tiếp hoặc qua bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường.<br>- Trực tuyến: qua Cổng Dịch vụ công | Có                                | Một phần              | - Trình tự thực hiện;<br>- Cơ quan phối hợp;<br>- Thời gian thực hiện;<br>- Căn cứ pháp lý. | Lệ phí:<br>4.500.000 (bốn triệu năm trăm nghìn) đồng/trường hợp.<br><br><b>Thu tại thời điểm nộp hồ sơ</b> | - Luật Nuôi con nuôi 2010;<br>- Nghị định số 19/2011/ NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ;<br>- <i>Nghị định số 18/2026/ NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ</i> ;<br>- Nghị định số 06/2025/ NĐ-CP ngày | UBND cấp tỉnh; Sở Tư pháp | x                                            |

| STT | Tên TTHC   | Thời hạn giải quyết | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC                                                                       | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến | Nội dung sửa đổi, bổ sung | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                             | TTHC liên thông | TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính |
|-----|------------|---------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|---------------------------|----------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|----------------------------------------------|
|     | Mã số TTHC |                     |                                                                                                                         |                                   |                       |                           |                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                 |                                              |
|     |            |                     | quốc gia tại địa chỉ: <a href="http://dichvucong.gov.vn">http://dichvucong.gov.vn</a> hoặc ứng dụng định danh quốc gia. |                                   |                       |                           |                      | 08/01/2025 của Chính phủ;<br>- Nghị định số 120/2025/ NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ;<br>- Nghị định số 104/2022/ NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;<br>- Thông tư số 10/2025/ TT-BTP ngày 20/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư;<br>- Thông tư số 10/2020/ TT-BTP ngày 28/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; |                 |                                              |

| STT | Tên TTHC                                                                                          | Thời hạn giải quyết                                                                                                                        | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC                             | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến | Nội dung sửa đổi, bổ sung                    | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                       | TTHC liên thông | TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|----------------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|----------------------------------------------|
|     | Mã số TTHC                                                                                        |                                                                                                                                            |                                                                               |                                   |                       |                                              |                      |                                                                                                                                                                                                                      |                 |                                              |
|     |                                                                                                   |                                                                                                                                            |                                                                               |                                   |                       |                                              |                      | - Nghị định số 114/2016/ NĐ-CP ngày 08/7/2016 của Chính phủ;<br>- Thông tư số 267/2016/ TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;<br>- Thông tư số 07/2023/ TT-BTP ngày 29/9/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. |                 |                                              |
| 4   | Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam ở trong nước đủ điều kiện nhận trẻ em nước ngoài làm con nuôi | Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần xác minh thì thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 30 ngày. | - Trực tiếp hoặc qua bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc | Có                                | Toàn trình            | - Trình tự thực hiện;<br>- Cơ quan phối hợp; | Không                | - Luật Nuôi con nuôi năm 2010;<br>- Nghị định số 19/2011/ NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ;                                                                                                                        | UBND cấp tỉnh   | x                                            |

| STT | Tên TTHC            | Thời hạn giải quyết | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC                                                                                                                                                                       | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến | Nội dung sửa đổi, bổ sung                                | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | TTHC liên thông | TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính |
|-----|---------------------|---------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|----------------------------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|----------------------------------------------|
|     | Mã số TTHC          |                     |                                                                                                                                                                                                                         |                                   |                       |                                                          |                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                 |                                              |
|     | <b>1.003198.H21</b> |                     | <p>Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường.</p> <p>- Trực tuyến: qua Công Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ: <a href="http://dichvucong.gov.vn">http://dichvucong.gov.vn</a> hoặc ứng dụng định danh quốc gia.</p> |                                   |                       | <p>- Mức độ DVC trực tuyến;</p> <p>- Căn cứ pháp lý.</p> |                      | <p>- Nghị định số 18/2026/ NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 06/2025/ NĐ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 120/2025/ NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 121/2025/ NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 104/2022/ NĐ-CP ngày</p> |                 |                                              |

| STT | Tên TTHC   | Thời hạn giải quyết | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến | Nội dung sửa đổi, bổ sung | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                     | TTHC liên thông | TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính |
|-----|------------|---------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|---------------------------|----------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|----------------------------------------------|
|     | Mã số TTHC |                     |                                                   |                                   |                       |                           |                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                 |                                              |
|     |            |                     |                                                   |                                   |                       |                           |                      | 21/12/2022 của Chính phủ;<br>- Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ;<br>- Thông tư số 10/2025/ TT-BTP ngày 20/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;<br>- Thông tư số 10/2020/ TT-BTP ngày 28/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;<br>- Thông tư số 267/2016/ TT-BTC ngày 14/11/2016 |                 |                                              |

[illegible]

## II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (04 TTHC)

| STT                                                                                                              | Tên TTHC   | Thời hạn giải quyết | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến | Nội dung sửa đổi, bổ sung | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý | TTHC liên thông | TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|---------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|---------------------------|----------------------|----------------|-----------------|----------------------------------------------|
|                                                                                                                  | Mã số TTHC |                     |                                                   |                                   |                       |                           |                      |                |                 |                                              |
| Thủ tục hành chính được công bố theo Quyết định số 361/QĐ-BTP ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp |            |                     |                                                   |                                   |                       |                           |                      |                |                 |                                              |

| STT | Tên TTHC                                                         | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC                                                                                                                                                                                                | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến | Nội dung sửa đổi, bổ sung                                                                                          | Phí, lệ phí (nếu có)                                                                                                                                                                                                                                                                        | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | TTHC liên thông        | TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính |
|-----|------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|----------------------------------------------|
|     | Mã số TTHC                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                  |                                   |                       |                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                        |                                              |
| 1   | Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước<br><br><b>2.001263.H21</b> | - Thời gian xác minh, đánh giá hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế của người nhận con nuôi: Trường hợp người nhận con nuôi có nơi thường trú và nơi <i>tạm trú</i> khác nhau, trong 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của người nhận con nuôi, UBND cấp xã nơi người nhận con nuôi thường trú trực tiếp xác minh trong 05 ngày làm việc hoặc có văn bản đề nghị UBND cấp xã nơi <i>tạm trú</i> của người nhận con nuôi thực hiện xác minh, đánh giá hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế của người nhận con nuôi. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày | - Trực tiếp hoặc qua bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.<br>- Trực tuyến: qua Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ: <a href="http://dichvucong.go">http://dichvucong.go</a> | Có                                | Một phần              | - Trình tự thực hiện;<br>- Thành phần hồ sơ;<br>- Cơ quan phối hợp;<br>- Thời gian thực hiện;<br>- Căn cứ pháp lý. | - Mức thu lệ phí: 400.000 (bốn trăm nghìn) đồng/trường hợp.<br>- Miễn lệ phí đăng ký nuôi con nuôi trong nước đối với trường hợp cha đẻ hoặc mẹ đẻ của vợ hoặc chồng làm con nuôi; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi; nhận các trẻ em sau đây làm con nuôi: Trẻ khuyết tật, | - Luật Nuôi con nuôi 2010;<br>- Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ;<br>- <i>Nghị định số 18/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ;</i><br>- Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05/3/2019 của Chính phủ;<br>- Nghị định số 06/2025/NĐ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ;<br>- Nghị định số 120/2025/ NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ; | Ủy ban nhân dân cấp xã | x                                            |

| STT | Tên TTHC   | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến | Nội dung sửa đổi, bổ sung | Phí, lệ phí (nếu có)                                                                                                                                                                           | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | TTHC liên thông | TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính |
|-----|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|---------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|----------------------------------------------|
|     | Mã số TTHC |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                   |                                   |                       |                           |                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                 |                                              |
|     |            | <p>nhận được văn bản đề nghị, UBND cấp xã nơi <i>tạm trú</i> của người nhận con nuôi thực hiện xác minh, đánh giá theo nội dung Văn bản xác nhận hoàn cảnh gia đình, tình trạng chỗ ở, điều kiện kinh tế của người nhận con nuôi và có văn bản thông báo kết quả đánh giá cho UBND cấp xã nơi người nhận con nuôi thường trú.</p> <p>- Thời gian kiểm tra hồ sơ và lấy ý kiến: 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;</p> <p>- Thời gian những người liên quan thay đổi ý kiến đồng ý về việc cho trẻ em làm con nuôi: <i>10 ngày làm việc</i>, kể từ ngày được lấy ý kiến;</p> | v.vn hoặc ứng dụng định danh quốc gia.            |                                   |                       |                           | <p>nhiễm HIV/AIDS hoặc mắc bệnh hiểm nghèo theo quy định của Luật Nuôi con nuôi và văn bản hướng dẫn; người có công với cách mạng nhận con nuôi.</p> <p><b>Thu tại thời điểm nộp hồ sơ</b></p> | <p>- Nghị định số 114/2016/ NĐ-CP ngày 08/7/2016 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị định số 104/2022/ NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị quyết số 66.7/2025/ NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 10/2025/TT-BTP ngày 20/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày</p> |                 |                                              |

| STT | Tên TTHC                                                                                                      | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC                              | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến | Nội dung sửa đổi, bổ sung                    | Phí, lệ phí (nếu có)                                                                                | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                             | TTHC liên thông | TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|----------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|----------------------------------------------|
|     | Mã số TTHC                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                |                                   |                       |                                              |                                                                                                     |                                                                                                                                                                                            |                 |                                              |
|     |                                                                                                               | - Thời gian tổ chức đăng ký việc nuôi con nuôi và tổ chức giao nhận con nuôi, ghi vào sổ đăng ký việc nuôi con nuôi và trao Giấy chứng nhận nuôi con nuôi trong nước cho bên giao và bên nhận: 05 ngày, kể từ ngày hết hạn thay đổi ý kiến đồng ý. |                                                                                |                                   |                       |                                              |                                                                                                     | 28/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;<br>- Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;<br>- Thông tư số 07/2023/TT-BTP ngày 29/9/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. |                 |                                              |
| 2   | Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi | Trong thời hạn 45 ngày, trong đó:<br>- UBND cấp xã kiểm tra hồ sơ, lấy ý kiến những người liên quan: 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;<br>- Những người liên quan thay đổi ý kiến đồng ý về                                       | - Trực tiếp hoặc qua bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường | Có                                | Một phần              | - Trình tự thực hiện;<br>- Cơ quan phối hợp; | Lệ phí: 4.500.000 (bốn triệu năm trăm nghìn) đồng/trường hợp.<br><b>Thu tại thời điểm nộp hồ sơ</b> | - Luật Nuôi con nuôi 2010;<br>- Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ;<br>- <i>Nghị định số 18/2026/NĐ-CP</i>                                                            | Cấp tỉnh        | x                                            |

| STT | Tên TTHC            | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC                                                                                                                                                              | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến | Nội dung sửa đổi, bổ sung                                               | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | TTHC liên thông | TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính |
|-----|---------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|-------------------------------------------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|----------------------------------------------|
|     | Mã số TTHC          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                |                                   |                       |                                                                         |                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                 |                                              |
|     | <b>1.003005.H21</b> | việc cho trẻ em làm con nuôi: <i>10 ngày làm việc</i> , kể từ ngày được lấy ý kiến;<br>- Sở Tư pháp có ý kiến: <i>08 ngày làm việc</i> , kể từ ngày nhận được văn bản của UBND cấp xã;<br>- Đăng ký việc nuôi con nuôi và giao nhận con nuôi: <i>05 ngày làm việc</i> , kể từ ngày nhận được văn bản đồng ý của Sở Tư pháp. | hoặc<br>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.<br>- Trực tuyến: qua Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ: <a href="http://dichvucong.gov.vn">http://dichvucong.gov.vn</a> hoặc ứng dụng định danh quốc gia. |                                   |                       | - Mức độ DVC trực tuyến;<br>- Thời gian thực hiện;<br>- Căn cứ pháp lý. |                      | <i>ngày 14/01/2026 của Chính phủ;</i><br>- Nghị định số 06/2025/ NĐ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ;<br>- Nghị định số 120/2025/ NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ;<br>- Nghị định số 114/2016/ NĐ-CP ngày 08/7/2016 của Chính phủ;<br>- Nghị định số 104/2022/ NĐ-CP ngày 02 /12/2022 của Chính phủ;<br>- Thông tư số 10/2025/TT-BTP ngày |                 |                                              |

| STT | Tên TTHC                            | Thời hạn giải quyết | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến | Nội dung sửa đổi, bổ sung | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                       | TTHC liên thông | TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính |
|-----|-------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|---------------------------|----------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|----------------------------------------------|
|     | Mã số TTHC                          |                     |                                                   |                                   |                       |                           |                      |                                                                                                                                                                                                                                                                      |                 |                                              |
|     |                                     |                     |                                                   |                                   |                       |                           |                      | 20/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;<br>- Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;<br>- Thông tư số 267/2016/ TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;<br>- Thông tư số 07/2023/TT-BTP ngày 29/9/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp. |                 |                                              |
| 3   | Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam | 10 ngày             | - Trực tiếp hoặc qua bưu điện                     | Có                                | Toàn trình            | - Trình tự                | Không                | - Luật Nuôi con nuôi 2010;                                                                                                                                                                                                                                           | Ủy ban nhân     | x                                            |

| STT | Tên TTHC                                                                                                                                       | Thời hạn giải quyết | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC                                                                                                                                                                                        | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến | Nội dung sửa đổi, bổ sung                                                                                    | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | TTHC liên thông | TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|----------------------------------------------|
|     | Mã số TTHC                                                                                                                                     |                     |                                                                                                                                                                                                                                          |                                   |                       |                                                                                                              |                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                 |                                              |
|     | thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi<br><br><b>2.002349.H21</b> |                     | đến Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.<br>- Trực tuyến: qua Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ: <a href="http://dichvucong.gov.vn">http://dichvucong.gov.vn</a> hoặc ứng dụng |                                   |                       | thực hiện;<br>- Cơ quan phối hợp;<br>- Mức độ DVC trực tuyến;<br>- Thời gian thực hiện;<br>- Căn cứ pháp lý. |                      | - Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ;<br>- Nghị định số 06/2025/NĐ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ;<br>- Nghị định số 120/2025/ NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ;<br>- Nghị định số 121/2025/ NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ;<br>- Nghị định số 104/2022/ NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ; | dân cấp xã      |                                              |

| STT | Tên TTHC   | Thời hạn giải quyết | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến | Nội dung sửa đổi, bổ sung | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | TTHC liên thông | TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính |
|-----|------------|---------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|---------------------------|----------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|----------------------------------------------|
|     | Mã số TTHC |                     |                                                   |                                   |                       |                           |                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                 |                                              |
|     |            |                     | định danh quốc gia.                               |                                   |                       |                           |                      | <p><i>-Nghị quyết số 66.7/2025/ NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ.</i></p> <p>- Thông tư số 10/2025/TT-BTP ngày 20/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;</p> <p>- Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</p> |                 |                                              |

| STT | Tên TTHC                                                                                                                                   | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC                                                                                                     | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến | Nội dung sửa đổi, bổ sung                                                                     | Phí, lệ phí (nếu có)                                                                                                                                                                                                                     | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                 | TTHC liên thông        | TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|----------------------------------------------|
|     | Mã số TTHC                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                       |                                   |                       |                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                |                        |                                              |
|     |                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                       |                                   |                       |                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                          | - Thông tư số 07/2023/TT-BTP ngày 29/9/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.                                                                                                                                                                                          |                        |                                              |
| 4   | Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài<br><br><b>2.002363.H21</b> | - Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.<br>- Trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc. | - Trực tiếp hoặc qua bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.<br>- Trực tuyến: qua Cổng | Có                                | Toàn trình            | - Trình tự thực hiện;<br>- Cơ quan phối hợp;<br>- Thành phần hồ sơ;<br>- Thời gian thực hiện; | 1. Lệ phí<br>a) Lệ phí nộp hồ sơ trực tiếp: 70.000 đồng.<br>b) Lệ phí nộp hồ sơ trực tuyến: 49.000 đồng<br>2. Đối tượng miễn lệ phí: Người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật, người cao tuổi, | - Luật Nuôi con nuôi 2010;<br>- Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ;<br>- Nghị định số 06/2025/NĐ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ;<br>- Nghị định số 120/2025/ NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ;<br>- Nghị định số 121/2025/ NĐ-CP ngày | Ủy ban nhân dân cấp xã | x                                            |

| STT | Tên TTHC   | Thời hạn giải quyết | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC                                                                                    | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến | Nội dung sửa đổi, bổ sung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Phí, lệ phí (nếu có) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | TTHC liên thông | TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính |
|-----|------------|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|----------------------------------------------|
|     | Mã số TTHC |                     |                                                                                                                                      |                                   |                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                 |                                              |
|     |            |                     | Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ: <a href="http://dichvucong.gov.vn">http://dichvucong.gov.vn</a> hoặc ứng dụng định danh quốc gia. |                                   |                       | - Căn cứ pháp lý.<br>đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và một số đối tượng đặc biệt theo quy định của pháp luật (nếu có).<br>- Phí cấp bản sao Trích lục Ghi vào Sổ việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (nếu có yêu cầu) thực hiện theo quy định tại Thông tư số |                      | 11/6/2025 của Chính phủ;<br>- Nghị định số 104/2022/ NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ;<br>- <i>Nghị quyết số 66.7/2025/ NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ;</i><br>- Thông tư số 10/2025/TT-BTP ngày 20/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp;<br>- Thông tư số 10/2020/TT-BTP ngày 28/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp; |                 |                                              |

| STT                       | Tên TTHC   | Thời hạn giải quyết | Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC | Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI | Mức độ DVC trực tuyến | Nội dung sửa đổi, bổ sung | Phí, lệ phí (nếu có)                                                                                | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                          | TTHC liên thông | TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính |
|---------------------------|------------|---------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|---------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|----------------------------------------------|
|                           | Mã số TTHC |                     |                                                   |                                   |                       |                           |                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                 |                                              |
|                           |            |                     |                                                   |                                   |                       |                           | 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.<br>(Phí, Lệ phí được Thu tại thời điểm nộp hồ sơ) | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 267/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</li> <li>- Thông tư số 07/2023/TT-BTP ngày 29/9/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.</li> <li>- Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND ngày 27/10/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai.</li> </ul> |                 |                                              |
| <b>Tổng cộng: 04 TTHC</b> |            |                     |                                                   |                                   |                       |                           |                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                 |                                              |